TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2024/DS-PT
Ngày 21/3/2024
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn, ông Ma Hồng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLPT - DS, ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2024/QĐ-PT, ngày 12 tháng 01 năm 2024; quyết định hoãn phiên toà số 26/2024/QĐ-PT, ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Quan Văn Nh**, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Quan Văn Nh: Ông Đàm Quốc C, ông Vũ Quang B1, ông Ngô Việt Th - luật sư - Công ty Luật TNHH MTV Q. C - Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Khu dân cư Lý Thái Tổ, tổ 17, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn*: Ông **Quân Văn Th** (Đã chết năm 2022); Bà **Ma Thị M**, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- **Người kế thừa** quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Quân Văn Th: Bà Ma Thị M, sinh năm 1974; Anh Quân Văn K, sinh năm 1994; chị Quân Thị L, sinh năm 1998; cùng địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Quân Văn K và chị Quân Thị L: Bà Ma Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Ma Thị N, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Ma Doãn V, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Ma Thị D, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Quân Văn K, sinh năm 1994; chị Quân Thị L, sinh năm 1998, cùng địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người làm chứng:

- Bà Quan Th H, sinh năm 1936; - Bà Triệu Thị Ch, sinh năm 1947;

- Ông Quan Văn Tr; - Ông Quân Văn Gi, sinh năm 1962;

- Ông Ma Doãn Ngh, sinh năm 1967; - Bà Ma Thị K, sinh năm 1943;

- Bà Quan Thị Đ, sinh năm 1952; - Anh Ma Đình Ng, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Quan Văn Nh.

(Ông Quan Văn Nh và Luật Sư Đàm Quốc C có mặt tại phiên toà. Ông Ma Doãn V, bà Hoàng Thị X, bà Ma Thị M, UBND xã M có đơn xét xử vắng mặt. Bà Quan Th H, bà Triệu Thị Ch, ông Quan Văn Tr, ông Quân Văn Gi, ông Ma Doãn Ngh, bà Ma Thị K, bà Quan Thị Đ, bà Ma Thị D, anh Ma Đình Ng, LS B1, LS Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Quan Văn Nh và người đại diện theo ủy quyền của ông Nh trình bày:

Năm 1978 gia đình ông Quan Văn Nh khai phá diện tích tại khu vực Khuổi Khoé để trồng lúa nương tổng diện tích 30.010 m^2 (trong đó có diện tích tranh chấp với ông Th nằm ở giữa diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc khoảng là 14.900 m^2). Năm 1981 Nhà nước có chủ trương giao đất rừng cho dân để quản lý, năm 1982 gia đình ông có đơn xin mượn đất vườn rừng và đã được Nhà nước cấp sổ lâm bạ với diện tích 03 ha (30.000m^2) quá trình gia đình ông xin mượn đất vườn rừng và được cấp sổ lâm bạ gia đình ông không có tranh chấp với ai, tại thời điểm đó cán bộ Hạt kiểm lâm và Uỷ ban đến đo đạc và giao thực địa không ai có ý kiến. Kể từ khi được cấp sổ Lâm bạ gia đình ông quản lý sử dụng liên tục lâu dài tính đến nay đã hơn 40 năm đã hình thành nhiều cây cối, tài sản trên đất cụ thể như cây cọ, cây xoan và bảo quản các cây lấy gỗ tự nhiên khác.

Năm 2006 khi Đoàn đo đạc của UBND huyện Ch. H đã xuống thực địa, rà soát đất rừng sản xuất của các hộ trên cùng địa phương để lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông đã đi cùng đoàn đo đạc để chỉ thực

địa diện tích đất đang sử dụng và làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích thực địa 30.010,0 m^2 theo diện tích đất đã được cấp sổ lâm bạ năm 1982 (trong đó có phần diện tích đất đang có tranh chấp với gia đình bà Ma Thị M, ông Quân Văn Th). Khi làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông đã nộp sổ lâm bạ gốc theo hồ sơ kê khai cho Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Ch. H để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 10/2007 cán bộ địa chính xuống lập bản đồ hiện trạng và kí giáp ranh đối với thửa đất, quá trình rà soát kí giáp ranh không có tranh chấp.

Đến tháng 10/2008 gia đình ông Quân Văn Th và bà Ma Thị M tự ý vào phát dọn phần diện tích đất của gia đình ông và tự nhận là đất của mình, ông đã có đơn gửi Uỷ ban nhân dân xã, xã đã tiến hành xác minh và tạm đình chỉ việc làm của ông Th phát để chờ giải quyết, sau đó gia đình ông Th, bà M không có tranh chấp nữa và gia đình ông tiếp tục quản lý sử dụng trồng cây cối, hoa màu.

Năm 2009 thì ông được Uỷ ban nhân dân huyện Ch. H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 181789 ngày 15/6/2009 mang tên hộ ông Quan Văn Nh và bà Ma Thị N. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông vẫn tiếp tục quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đến năm 2017 gia đình ông Th, bà M lại tự ý vào phát và tranh chấp với gia đình ông, ông đã có đơn đề nghị Uỷ ban nhân dân xã giải quyết, sau đó ông Th lại thôi không tranh chấp, đến năm 2018 ông Th lại tiếp tục vào tranh chấp mang cưa xăng vào cưa gỗ và chặt hạ các cây cối của gia đình ông đồng thời có đơn đề nghị Uỷ ban nhân dân thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông.

Đến ngày 20 tháng 02 năm 2020 ông nhận được thông báo số 28/TB-UBND của Uỷ Ban nhân dân huyện Ch. H về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến ngày 06/05/2020 ông nhận được quyết định số 151/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do: *"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp khi đang có tranh chấp".* Gia đình ông Quân Văn Th lại cho người mang cưa xăng vào chặt hạ cây cối tại vườn rừng của gia đình ông, ông đã có đơn gửi uỷ ban nhân dân xã, Uỷ ban nhân dân xã đã cử cán bộ xuống thực địa, lập biên bản và đình chỉ việc chặt hạ cây cối. Việc tranh chấp đất giữa gia đình ông và gia đình bà Ma Thị M đã được uỷ ban nhân dân xã hoà giải nhưng không thành.

Ông khẳng định gia đình ông Quan Văn Th và bà Ma Thị M không có diện tích đất nào tại thửa đất số 108 và cũng không sử dụng ngày nào diện tích đất trên, không có tài sản gì trên đất. Ông yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Quân Văn Th và bà Ma Thị M trả lại cho ông toàn bộ diện tích đất lấn chiếm khoảng 14.900m^2 và công nhận toàn bộ diện tích đất 30.010m^2 (bao gồm cả phần diện tích đất đang có tranh chấp với ông Th, bà M) theo đo đạc tại thửa số 108 tờ bản

đồ số 03. Địa chỉ thửa đất tại Khuổi Khóe Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang cho gia đình ông.

2. Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ma Thị M trình bày:

Bà M kết hôn với ông Quân Văn Th từ năm 1993 và chung sống tại Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang. Năm 1993 vợ chồng bà được bố mẹ chồng là ông Quân Văn Ph và bà Hoàng Thị Kh cho canh tác trên diện tích đất do ông Ph, bà Kh khai phá và sử dụng từ lâu. Gia đình bà canh tác, sử dụng ổn định từ năm 1993 đến năm 2006 thì xảy ra tranh chấp từ năm 2006 cho tới nay. Cụ thể là trong năm 2008 gia đình bà và gia đình ông Nh đã được Uỷ ban nhân dân xã hoà giải có biên bản ghi ngày 27/10/2008 đã có sơ đồ kẻ vẽ tại biên bản làm việc của cán bộ địa chính xã và một số thành phần tham gia đã ghi và kẻ vẽ rõ giữa diện tích đất của gia đình bà và gia đình ông Nh đã có ranh giới bằng hình thức khe cạn làm ranh giới và tại biên bản làm việc ngày hôm đó ông Nh không có ý kiến phản hồi về thực tế trên biên bản làm việc và hình vẽ ông đã ký trong biên bản làm việc ngày 27/10/2008 có ghi: "*Chưa giải quyết dứt điểm thì mọi hình thức giữa hai bên gia đình chưa được giải quyết thì không canh tác*". Phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa gia đình bà và ông Nh chưa được giải quyết xong nhưng đến năm 2009 không hiểu lý do gì mà gia đình ông Nh được Ủy ban nhân dân huyện Ch. H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó bao gồm cả phần diện tích đất của gia đình bà M sử dụng ổn định từ năm 1993 (sau khi bố mẹ chồng cho vợ chồng bà M). Đối với sổ Lâm bạ theo như ông Quan Văn Nh cung cấp để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tẩy xóa và không thể khẳng định diện tích đất gia đình ông Nh được cấp trong sổ Lâm bà là 03ha hay là 0,3ha. Sau khi biết được gia đình ông Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích là 30.010m^2 trong đó bao gồm cả phần diện tích đất của gia đình bà, gia đình bà đã đề nghị giải quyết nhiều lần cụ thể tại biên bản làm việc ngày 19/9/2018 gia đình bà đã có một số hộ dân là người cao tuổi trong thôn đã công nhận cho gia đình bà là diện tích đất này của gia đình bà được bố mẹ ông Th cho đã từng canh tác lâu năm.

Đến ngày 20/02/2020 Uỷ Ban nhân dân huyện Ch. H trả lời cho gia đình bà là đã huỷ quyền sử dụng đất của ông Nh sau đó gia đình bà M lại làm đơn đề nghị đến chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện cùng các ban ngành hãy vào cuộc xem xét và giải quyết những vướng mắc cho gia đình bà M. Ngày 04/8/2020 gia đình bà lại được mời đến Uỷ ban nhân xã M để giải quyết hoà giải, qua xem xét biên bản hoà giải gia đình bà thấy rằng cách làm việc của cán bộ xã M có hành vi bao che cho gia đình nhà ông Nh với lý do gia đình nhà ông Nh có người làm cán bộ xã. Do vậy giải quyết thực tế không đến hiện trường và làm việc tại Uỷ ban xã, theo bà biết gia đình nhà ông Nh cậy có người làm cán bộ xã nên ông Nh cố tình

gây khó khăn cho các hộ gia đình có đất giáp ranh và cố ý lấn chiếm đất cụ thể là lấn chiếm đất của nhà bà D cùng thôn.

Bà khẳng định diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ chồng bà là ông Ph, bà Kh khai phá từ lâu và đến năm 1993 thì cho vợ chồng bà sử dụng, canh tác, chăm sóc cây cối trên diện tích đó ổn định cho đến năm 2006 thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông Nh, sau đó thì gia đình bà tiếp tục quản lý, chăm sóc cho đến nay. Nay ông Quan Văn Nh khởi kiện yêu cầu gia đình bà trả lại toàn bộ diện tích đất đang có tranh chấp là 14.900m^2 bà không nhất trí.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Ma Thị N trình bày:* Bà là vợ của ông Quan Văn Nh. Bà sinh ra, lớn lên sinh sống tại Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, bà kết hôn với ông Nh vào năm 1972 và chung sống với nhau tại Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình sinh sống với nhau vợ chồng bà sinh được 03 người con tên là Quan Thị A, sinh năm 1973; Quan Văn Y, sinh năm 1978; Quan Văn Q, sinh năm 1984.

Diện tích đất đang có tranh chấp giữa gia đình bà và ông Th, bà M là do vợ chồng bà khai phá từ năm 1979. Thời điểm khai phá diện tích đất này gia đình bà có 06 khẩu, gồm bà, ông Nh, bố mẹ đẻ ông Nh và 02 con là cháu A, cháu Y. Đến năm 1982 gia đình bà có đơn xin mượn đất vườn rừng và đã được Nhà nước cấp sổ lâm bạ giao quản lý diện tích đất 03 hà đất tại khu khuổi khóe, Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình sử dụng gia đình bà có đến phát dọn, trồng cây (cụ thể là cây cọ, cây xoan) và chăm sóc cây trên diện tích đất được giao.

Từ năm 1982 đến năm 2008 thì ông Th, bà M không có đến canh tác, sử dụng trên diện tích đất đang có tranh chấp. Đến 2008 phát sinh tranh chấp, nguyên nhân là do ông Th bà M đến phát dọn trên diện tích đất của gia đình bà. Năm 2017 tiếp tục xảy ra tranh chấp và đến năm 2020, 2021 thì bà M, ông Th mới trồng cây keo trên diện tích đất đang có tranh chấp. Đối với các cây gỗ tạp tại diện tích đất đang có tranh chấp là cây mọc tự nhiên, cụ thể các cây gỗ tạp (là cây giàng giàng và các loại cây khác) tầm khoảng 35 đến 40 tuổi cây.

Bà khẳng định diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp với bà Ma Thị M có nguồn gốc là đất do vợ chồng bà khai phá từ năm 1978, đến năm 1982 gia đình bà được cấp sổ lâm bạ và sử dụng ổn định từ đó đến năm 2008 thì gia đình bà M, ông Th vào phát dọn và lấn chiếm. Đối với ý kiến giải quyết vụ án thì ý kiến của bà là cùng quan điểm với ông Quan Văn Nh là yêu cầu bà Ma Thị M trả lại toàn bộ diện tích đang lấn chiếm của gia đình bà .

- *Bà Ma Thị D trình bày*: Bà là vợ của ông Quân Văn Ngh (ông T1 chết năm 2012) bà là người gốc ở Thôn B xã M. Khi lớn lên xây dựng gia đình với

ông Quân Văn Ngh. Giữa bà và ông Nh là hàng xóm láng giềng không có quan hệ anh em họ hàng, cũng không có mâu thuẫn hay nợ nần gì nhau cả.Giữa bà và ông Th, bà M có mỗi quan hệ anh em vì ông Th bà M là anh trai, chị dâu ông T1 và cũng là anh trai chồng và chị dâu của bà D.

Diện tích đất đang canh tác hiện nay của gia đình bà D có giáp ranh với diện tích đất của ông Nh. Diện tích đang tranh chấp đất hiện nay ông Quan Văn Nh và ông Quân Văn Th, bà Ma Thị M tại khu Khuổi Khoé Thôn B có nguồn gốc là do các hộ dân trong thôn tự khai phá trồng luá nương. Sau đó thì bố mẹ chồng bà là ông Ph và bà Kh vào trồng lúa và trồng sắn một thời gian (năm nào thì bà không nhớ). Sau đó thì trồng tre, trồng hóp tại diện tích đó. Bà thấy diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Nh và ông Th bà M trước đây có giáp ranh với hộ ông Ma Đình S và ông Ma Doãn V.

Bà không biết gia đình ông Nh được giao đất và được cấp sổ lâm bạ năm nào, bà chỉ biết là gia đình ông Nh được giao diện tích đất rất ít và bà có thấy ông Nh trồng cây cọ nhưng chỉ giáp với khe cạn ngăn giữa đất của ông Nh được giao và diện tích đất đang tranh chấp hiện nay với ông Th, bà M.

Từ lúc biết đến nay thì diện tích đất đang tranh chấp hiện nay giữa ông Nh và ông Th, bà M thì bà chỉ thấy ông Ph, bà Kh (bố mẹ ông Th) canh tác và trồng tre, hóp sau đó thì chia cho ông Th bà M canh tác, chứ bà không thấy gia đình ông Nh canh tác trên diện tích đó bao giờ.

Bà xác định diện tích đất giáp ranh giữa bà và gia đình ông Nh hiện nay đang có tranh chấp, diện tích ông Nh hiện nay đang lấn chiếm của gia đình bà khoảng 3.000m^2. Nay bà yêu cầu ông Nh trả lại cho gia đình bà diện tích đất đang lấn chiếm.

- *Ông Ma Doãn V trình bày:* Ông có diện tích đất giáp ranh với diện tích đang tranh chấp của ông Nh, Ông Th, bà M, diện tích của gia đình ông tại khu Khuổi Khoé Thôn B. Hiện nay phần diện tích đất giáp ranh với diện tích đất đang tranh chấp của ông Nh và ông Th thì ông và Ông Nh, ông Th, Bà M cũng xảy ra tranh chấp, chưa xác định được ranh giới giữa hai thửa đất nên diện tích đất rừng của ông chưa có GCNQSDĐ. Đối với diện tích đất rừng của gia đình ông tại khu Khuổi Khoé, Thôn B là do bố mẹ ông để lại cho ông.

Theo như ông biết vào năm 1984 ông cùng bố mẹ ông và bố đẻ ông Th là ông Quân Văn Ph và anh trai ông Th là ông Quân Văn U (hiện đã chết) đến phần đỉnh dông của diện tích đất tranh chấp để canh tác sử dụng phần đất này. Thời điểm đó gia đình ông làm 1 phần, phần còn lại là gia đình ông Ph canh tác. Gia đình ông canh tác được 02 vụ lúa, 01 vụ sắn, sau đó có các cây lâu năm thì gia đình chỉ phát dọn. Từ năm 1993 ông có khai thác cây để làm nhà thì do bận việc gia đình nên ông không vào phát dọn chăm sóc nữa. Sau đó thì ông có biết việc ông Nh được nhận diện tích đất mà ông đã canh tác là đất của ông Nh.

Phần diện tích đất ông Ph, bà Kh canh tác sử dụng là phần đất giáp với diện tích đất của ông Ma Đình S. Đến thời điểm nào ông Ph, bà Kh không sử dụng thì ông không rõ. Theo ông biết thì ông Nh có một phần diện tích đất, phần đất của ông Nh giáp với Quan Văn T1 (có vợ là D) và đất ông Ma Đình X; Phần đất của ông Th, bà M là phần giáp đất ông S và giáp đất của gia đình ông. Hiện nay phần giáp ranh diện tích gia đình ông đang xảy ra tranh chấp.

Hiện đất của gia đình ông đang có tranh chấp với diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Nh, bà M và ông Th. Ông đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông và gia đình ông Nh, để xác định ranh giới đất giữa hai thửa đất tại khu Khuổi Khóe, Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bà Hoàng Thị X trình bày:* Về nguồn gốc đất của gia đình và nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Nh và ông Th, bà M thì bà cùng ý kiến và nhất trí với lời khai của ông Ma Doãn V (chồng bà).

- *Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân Tân Mỹ, huyện Ch. H trình bày:* Năm 1982 UBND xã M cấp sổ Lâm bạ cho ông Quan Văn Nh trên cơ sở đơn xin mượn đất làm vườn của ông Quan Văn Nh. Việc UBND xã M cấp sổ Lâm bạ năm 1982 cho ông Quan Văn Nh là việc UBND xã cho ông Quan Văn Nh mượn đất làm vườn trên cơ sở đơn xin mượn đất làm vườn của ông Nh, chứ không phải UBND xã M cấp đất cho ông Nh sử dụng theo quy định của Luật đất đai. Diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Quan Văn Nh và bà Ma Thị M có nằm trong sổ Lâm bạ của ông Quan Văn Nh hay không thì UBND xã không xác định được, vì khi cấp sổ Lâm bạ tại thời điểm năm 1982 thì cán bộ đi giao ngoài thực địa không đo trực tiếp mà chỉ giao là hộ gia đình được mượn bao nhiêu mét vuông đất và cũng không có sơ đồ thửa đất được giao. Hiện nay tại UBND xã M không còn lưu giữ hồ sơ cấp sổ Lâm bạ cho ông Quan Văn Nh và cũng không lưu giữ bản gốc sổ Lâm bạ của ông Quan Văn Nh.

Về mặt quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương thì UBND xã M nắm được sau khi được cấp sổ Lâm bạ thì thực tế gia đình ông Quan Văn Nh không sử dụng thường xuyên, liên tục. Năm 2006 UBND xã thực hiện rà soát lập phương án giao đất lâm nghiệp cho các hộ dân trên địa bàn xã M để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chương trình dự án RIDP. Khi đó Công ty ảnh địa hình Miền Nam phối hợp với Phòng tài nguyên và môi trường huyện Ch. H cùng các hộ dân đi thực địa để đo đạc và giao đất, chỉ giáp ranh ngoài thực địa thì giữa hộ gia đình ông Nh và gia đình bà M xảy ra tranh chấp. Năm 2009 hộ gia đình ông Quan Văn Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất là 30.010m^2 theo kết quả đo đạc, nhưng do khi làm hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong phần diện tích kê khai đang có tranh chấp nên

UBND huyện Ch. H đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Quan Văn Nh.

Phần diện tích đất hiện nay ông Nh đang quản lý, sử dụng và phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Nh và bà M. Về mặt pháp lý cũng như về mặt quản lý Nhà nước về đất đai thì toàn bộ hai diện tích nêu trên hiện nay UBND xã M đang quản lý. Vì diện tích đất này chưa giao hay được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào. Do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật.

* ***Người làm chứng trình bày***:

- *Bà Quan Th H trình bày*: Về nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Quan Văn Nh và ông Quân Văn Th, bà Ma Thị M tại khu Khuổi Khoé Thôn B là đất của hợp tác xã, các hộ dân trong xã thay phiên nhau trồng lúa, sắn. Năm 1985, 1986 bà có thấy bố mẹ ông Quân Văn Th là ông Quân Văn Ph, bà Hoàng Thị Kh canh tác, phát dọn trồng lúa nương và sau đó trồng sắn. Ông Ph, bà Kh canh tác được vài năm. Sau khi ông Ph, bà Kh không sử dụng diện tích này thì không ai sử dụng diện tích đất này để bỏ hoang mọi người chăn trâu. Theo bà biết thì thời điểm nhà nước giao đất cho các hộ trong thôn thì bà thấy ông Nh được giao đất diện tích giáp phần diện đất ông Ph, bà Kh đã canh tác, nhưng bà không thấy gia đình ông Nh đến khu được giao canh tác bao giờ.

- *Bà Triệu Thị Ch trình bày:* Gia đình bà được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Chương Văn Ch và bà Triệu Thị Ch với diện tích được cấp là 5.103,0m^2 tại khu Khuổi Khoé Thôn B, phần diện tích đất này có giáp ranh với diện tích đất của gia đình ông Nh và không có xảy ra tranh chấp gì với gia đình ông Nh, đất có ranh giới rõ ràng.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông Quan Văn Nh và ông Quân Văn Th, bà Ma Thị M tại khu Khuổi Khoé Thôn B thì theo bà được biết từ năm 1978 diện tích đất này là diện tích đất hoang của nhà nước và các hộ dân trong hợp tác xã có đến canh tác. Năm 1982 nhà nước thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho dân, theo bà được biết cấp theo khẩu, mỗi khẩu được cấp 500 m^2, gia đình bà có 10 khẩu nên được cấp 5.000m^2. Thời điểm đó nhà ông Nh cũng được cấp sổ lâm bạ đối với diện tích đất tại khu Khuổi Khoé Thôn B, xã M. Theo bà được biết ông Ph, bà Kh có canh tác sử dụng diện tích đất phía giáp đất ông Luận, ông S được 01 - 02 vụ trồng lúa, trồng sắn tuy nhiên do quy định tại thời điểm đó ông Ph bà Kh đã nhận một phần đất cũng tại khu Khuổi Khoé và được cấp sổ lâm bạ, nên phần diện tích ông Ph, bà Kh canh tác, sử dụng giáp ông Luân, ông S không được cấp sổ lâm bạ nữa.

- *Ông Quan Văn Tr trình bày*: Về nguồn gốc sử dụng đất diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Nh và ông Th, bà M thì theo ông được biết phần diện tích đất 30.010m^2 đất tại khu vực khu Khuổi Khóe, Thôn B, xã M, ông Nh sử dụng

phần diện tích đất giáp ranh với diện tích đất gia đình ông Ma Đình X, ông Quân Văn T1, còn diện tích cụ thể thì ông không rõ, ông Nh sử dụng phần đất này từ nam 1982; phần còn lại thì ông Nh không canh tác.

Về nguồn gốc cụ thể phần đất 30.010m^2 đất tại khu vực khu Khuổi Khóe, Thôn B, xã M là đất của tổ sản xuất vào khai phá, canh tác trồng lúa, năm cụ thể ông không nhớ rõ. Sau khi tổ sản xuất không canh tác nữa thì diện tích đất bỏ hoang. Theo ông được biết thì ông Quân Văn Ph và bà Hoàng Thị Kh có được canh tác 01 vụ trồng sắm khu vực đất giáp ranh đất ông Ma Doãn V, ông Ma Đình S, sau đó không canh tác Năm 2000, 2001 ông có vào khai thác gỗ tự nhiên tại khu vực ông Ph, bà Kh đã canh tác. Thời điểm đó không có ai canh tác, trồng cây gì hay quản lý diện tích đất này. Trong quá trình xảy ra tranh chấp thì ông có thấy bà M vào phát dọn, tỉa, phát quang phần diện tích trước đây ông Ph, và bà Kh canh tác.

- *Ông Quân Văn Gi trình bày*: Đối với việc sử dụng đất đang có tranh chấp giữa ông Nh và ông Th thì ông không rõ thời điểm. Tuy nhiên ông có thấy ông Nh đến phát dọn nhưng không làm nương, trồng gì, đồng thời cũng thấy gia đình ông Th vào canh tác làm nương. Vị trí cụ thể hai hộ sư dụng chỗ nào tại phần đất đang tranh chấp thì ông không rõ. Theo ông được biết thì ông Nh được giao đất theo sổ lâm bạ, ông Nh biết việc ông Th làm nương tại diện tích đất ông Nh được giao nhưng ông Nh lại cho rằng giống các hộ dân khác đến làm nương một vụ xong bỏ đát nên ông Nh không có ý kiến gì. Đồng thời ông được biết bố mẹ ông Th có vào canh tác trồng sắn tại diện tích đất này, sau này ông Th sử dụng còn thời gian nào ông không rõ. Năm 2008 thời điểm khi khảo sát, đo đạc bản đồ giao đất, giao rừng thì hộ gia đình ông Nh và hộ gia đình ông Th, bà M đều nhận diện tích đất đang có tranh chấp là của gia đình.

- *Ông Ma Doãn Ngh trình bày*: Về nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp tại khu Khuổi Khóe, Thôn B, xã M giữa ông Nh và ông Th, bà M thì ông được biết năm 1978 đây là diện tích đất tập thể của thôn, thôn vào phát để trồng lúa. Quá trình sử dụng diện tích đất này các hộ có thay nhau canh tác ở một khoảnh của khu đất (vì khu đất này có dễ canh tác, trồng các loại cây tốt). Theo ông được biết ông Quân Văn Ph, bà Hoàng Thị Kh là bố mẹ của ông Quân Văn Th có canh tác một thời gian, sau đó thì không canh tác nữa. Năm cụ thể thì ông không nhớ rõ. Ngoài ra có bà Quan Thị Ng (mẹ ông Quan Thành Đ) cùng Thôn B có trồng cây Bông một năm ở khu đất này (chỉ trồng ở mép dưới khe).

Đối với ông Quan Văn Nh thì ông biết diện tích đất 30.010m^2 tại khu Khuổi khóe, Thôn B, ông Nh chỉ canh tác một phần diện tích đất này, phía giáp với đất ông Quân Văn T1, ông Ma Đình Ng, cụ thể diện tích ông không rõ. Còn đối với phần diện tích đất phía giáp với đất ông Ma Doãn V, Ma Đình S, Quan Văn G thì không thấy ông Nh đến canh tác. Trong quá trình làm trưởng thôn

Thôn B, ông có được tham gia hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông Nh và hộ ông Th. Ông được xem qua sổ lâm bạ của ông Nh được cấp năm 1982, đối với diện tích cụ thể được cấp thì ông không nhìn rõ vì mờ .

- *Bà Ma Thị K trình bày*: Bà về làm dâu và sinh sống tại Thôn B, xã M từ năm 1964 đến nay. Quá trình canh tác sử dụng diện tích đất tại khu Khuổi Khóe, Thôn B bà có được cùng ông Ph, bà Kh (mẹ ông Quân Văn Th) trồng 01 vụ lúa khác vào thời gian nào thì bà không nhớ. Về sau ông Pậu, bà Kh có tiếp tục canh tác không thì bà không rõ. Tại thời điểm bà canh tác thì không thấy ông Nh vào canh tác sử dụng đất.

- *Bà Quan Thị Đ trình bày*: Gia đình bà có đất giáp ranh với diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Nh và ông Th, bà M tại khu Khuổi Khóe, Thôn B, xã M. Gia đình bà được cấp sổ lâm bạ năm 1982 và hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp cho con trai bà là ông Quan Văn G. Quá trình bà canh tác sử dụng diện tích đất của gia đình thì bà có thấy bố của ông Th là ông Ph có canh tác trồng sắn một đến hai năm trên diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Nh và ông Th, bà M; phần diện tích đất ông Ph canh tác giáp với diện tích đất của ông Ma Doãn V.

Cùng thời điểm gia đình bà nhận sổ lâm bạ thì gia đình ông Nh cũng được cấp sổ lâm bạ đối với diện tích đất tại khu Khuổi Khóe, Thôn B, xã M (vị trí đang có tranh chấp). Ngày bà được đi nhận đất thì bà, ông Nh được cùng nhau đi nhận đất và được cán bộ chỉ khu vực đất của ai thì người đó nhận, chỉ theo khe làm ranh giới các diện tích đất của các hộ. Cán bộ đi chỉ giao đất thì bà không nhớ là ai. Ngày đi nhận và giao đất thì không có ông Quân Văn Ph hay đại diện gia đình ông Ph đến nhận đất tại Khu Khuổi Khóe, Thôn B,xã M (Tại khu vực đất đang có tranh chấp).

- *Anh Ma Đình Ng trình bày:* Gia đình anh có diện tích đất vườn rừng tại khu vực Khuổi Vi, thôn N. H, xã M giáp ranh với diện tích đất vườn rừng của hộ gia đình ông Quân Văn Nh và bà Ma Thị N. Diện tích đất rừng của anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của bố mẹ anh chuyển nhượng cho từ trước năm 2008. Sau khi bố mẹ anh chuyển nhượng cho anh thì anh canh tác trên diện tích đất đó. Diện tích đất vườn rừng của anh giáp ranh với đất ông Quan Văn Nh không có tranh chấp gì với nhau cả. Còn đối với diện tích đất đang tranh chấp giữa gia đình ông Quan Văn Nh và ông Quân Văn Th, Bà Ma Thị M thì anh không biết có nguồn gốc từ đâu và cũng không biết hộ gia đình ông Nh hay hộ gia đình ông Th, bà M trước đây có được nhà nước giao đất và cấp sổ lâm bạ không. Từ lúc anh biết đến giờ thì anh thấy diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Nh và ông Th, bà M thì có thấy trước đây (anh không nhớ năm nào) anh có thấy ông Ph và bà Kh là bố mẹ ông Th lên đây canh tác và trồng lúa, trồng sắn được khoảng 1, 2 năm gì đó sau đó thì không thấy ai đến canh tác trên diện tích

đất tranh chấp. Giữa anh và ông Nh, ông Th và bà M không có quan hệ anh em gì cả. Anh xác định diện tích đất giữa hộ gia đình anh giáp ranh với đất ông Quan Văn Nh không có tranh chấp với ai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35; 39, 147, 155, 157, 158, 163, Điều 165, 166, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 100, 203 Luật đất đai 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn Nh về việc công nhận 30.010 m^2 (trong đó có diện tích đất tranh chấp khoảng 14.900 m^2 theo đo đạc, thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất khu Khuổi Khóe Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, đất rừng sản xuất) là đất của ông Quan Văn Nh.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2023, ông Quan Văn Nh kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án số 10/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ch. H theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Quan Văn Nh giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Quan Văn Nh: Luật sư Ông Đàm Quốc C, Công ty Luật TNHH MTV Q. C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Quan Văn Nh hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ch. H.

Về án phí phúc thẩm: Ông Quan Văn Nh là người cao tuổi nên ông Nh được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 13/9/2023, ông Quan Văn Nh kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án số 10/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ch. H. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung kháng cáo của ông Quan Văn Nh, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 10/8/1982 ông Quan Văn Nh có "Đơn xin mượn đất làm vườn rừng" và đề nghị Uỷ ban nhân dân xã M xét cấp diện tích đất làm vườn rừng (đơn được điền theo mẫu in sẵn). Ông Quan Văn Nh cho rằng sổ lâm bạ của gia đình ông được giao diện tích đất là 03 Ha. Tuy nhiên tại phần quyết định giao cho ông Quan Văn Nh mượn đất vườn rừng, do ông Nh cung cấp cho Tòa án là bản phô tô phần quyết định của sổ lâm bạ không có mặt sau của sổ lâm bạ (Bút lục số 14), thông tin trên bản phô tô mờ, không xác định được nội dung sổ lâm bạ có đúng với bản gốc không, không xác định được có bị tẩy, xóa, sửa chữa không. Vì vậy, không xác định được tổng diện tích đất vườn rừng giao cho ông Nh là bao nhiêu, thuộc lô, khoảnh nào. Đồng thời, phần mặt sau của Quyết định không có thông tin diện tích đất, do vậy không xác định được có sơ đồ mô tả thửa đất vườn rừng được giao, không có kích thước các cạnh. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Quan Văn Nh không cung cấp cho Tòa án bản gốc sổ lâm bạ gia đình ông được cấp năm 1982 để Hội đồng xét xử xem xét, đối chiếu. Do vậy không xác định được diện tích đất giao cho ông Quan Văn Nh là 03 Ha hay là 0,3 Ha.

Tuy nhiên đối với diện tích đất tranh chấp giữa ông Nh với bà M. Vợ chồng ông Quan Văn Nh và bà Ma Thị N đã được Uỷ ban nhân dân huyện Ch. H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 131789 ngày 15/6/2009, thửa đất số 108, tờ bản đồ số 03, diện tích đất 30.010m ^{2}, mang tên người sử dụng đất ông Quan Văn Nh và bà Ma Thị N. Ngày 06/5/2020 Uỷ ban nhân dân huyện Ch. H đã ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 131789 ngày 15/6/2009 mang tên hộ ông Quan Văn Nh và bà Ma Thị N. Lý do thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái với quy định tại khoản 4 Điều 50 luật đất đai năm 2003 (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chưa đủ điều kiện cấp, đang có tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hộ bà Ma Thị M từ năm 2008).

Đối với bị đơn bà Ma Thị M trong quá trình giải quyết vụ án bà M không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh là đất của mình, bà M không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, không có tên trong các tài liệu địa chính. Do đó không có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp là của gia đình bà Ma Thị M.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn ông Quan Văn Nh không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Quan Văn Nh. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, như ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

Về việc Toà án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án nhưng không giao đất cho ai quản lý là thiếu sót, vì vậy, tạm giao diện tích đất đang tranh chấp cho Uỷ ban nhân dân xã M quản lý là cần thiết và phù hợp với thực tế.

[4]. Về án phí: Do ông Quan Văn Nh là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quan Văn Nh, về việc đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án số 10/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ch. H theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn Nh.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn Nh về việc công nhận 30.010 m^2 (trong đó có diện tích đất tranh chấp khoảng 14.900 m^2 theo đo đạc, thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất khu Khuổi Khóe Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, đất rừng sản xuất) là đất của ông Quan Văn Nh.

Tiếp tục tạm giao cho Uỷ ban nhân dân xã M quản lý diện tích đất 30.010 m^2 (trong đó có diện tích đất tranh chấp khoảng 14.900 m^2 theo đo đạc, thẩm định, thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất khu Khuổi Khóe Thôn B, xã M, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2021 và ngày 22/9/2022).

2. Về án phí: Do ông Quan Văn Nh là người cao tuổi nên ông Nh được Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Quan Văn Nh số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002089 ngày 25/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/3/2024).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND h. Ch. H;
- Chi cục THADS h. Ch. H;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Đức Nam